

Số: 197 /QĐ-TCLN-ĐDPH

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình sử dụng bộ công cụ quản lý dữ liệu và báo cáo tuần tra (SMART) tại các khu rừng đặc dụng, phòng hộ

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 28/2017/QĐ-TTg ngày 03/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Lâm nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống khu bảo tồn đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-TCLN-KHTC ngày 07/2/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 106/QĐ-BNN-KH ngày 12/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ tại Tờ trình số 39/TTr-ĐDPH ngày 23/6/2022 về việc xin phê duyệt ban hành Quy trình sử dụng công cụ quản lý dữ liệu và báo cáo tuần tra (SMART) tại các khu rừng đặc dụng, phòng hộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình sử dụng bộ công cụ quản lý dữ liệu và báo cáo tuần tra (SMART) tại các khu rừng đặc dụng, phòng hộ.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Vụ Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và giám sát thực hiện Quyết định này.

2. Các đơn vị có liên quan của Tổng cục Lâm nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Vụ Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ tổ chức triển khai Quyết định này theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Ban quản lý các khu rừng đặc dụng, phòng hộ trên cả nước căn cứ Quyết định này, tổ chức triển khai tại đơn vị, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

4. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có các hoạt động liên quan đến hỗ trợ các khu rừng đặc dụng, phòng hộ triển khai bộ công cụ quản lý dữ liệu và báo cáo tuần tra (SMART) tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về Quy chế quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ và thực hiện áp dụng Quy trình kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Tổng cục Lâm nghiệp, Vụ trưởng Vụ quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thứ trưởng Lê Quốc Doanh (để b/c);
- TCT Nguyễn Quốc Trị (để b/c);
- Sở NN& PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW (để p/hợp);
- Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các tổ chức/cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT, ĐDPH.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Trần Quang Bảo

QUY TRÌNH

**Sử dụng bộ công cụ quản lý dữ liệu
và báo cáo tuần tra (SMART) tại các khu rừng đặc dụng, phòng hộ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 197 /QĐ-TCLN-ĐDPH, ngày 04/7/2022 của
Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Bộ công cụ SMART và mục đích, yêu cầu sử dụng

1. Bộ công cụ SMART

SMART là viết tắt của tên bộ công cụ Quản lý dữ liệu và Báo cáo tuần tra (*tên tiếng Anh: Spatial Monitoring and Reporting Tool*). SMART được xây dựng nhằm cải thiện hiệu quả thực thi pháp luật và giám sát đa dạng sinh học tại các khu rừng đặc dụng, phòng hộ.

Bộ công cụ SMART bao gồm: (i) Phần mềm SMART; (ii) Mô hình dữ liệu; (iii) Mẫu báo cáo SMART và (iv) Hướng dẫn kỹ thuật phần mềm SMART. Các phiên bản cập nhật SMART được đăng tải trên trang website của Tổng cục Lâm nghiệp tại địa chỉ: <https://tongcuclamnghep.gov.vn> → Mục tiện ích: chọn Hệ thống thông tin quản lý ngành Lâm nghiệp → Thông tin khu đặc dụng Việt Nam.

2. Mục đích, yêu cầu

Mục đích thiết lập được bộ cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua công cụ quản lý dữ liệu và tuần tra (SMART) thống nhất dùng chung trên cả nước về quản lý, bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học các khu rừng đặc dụng, phòng hộ phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học của các cơ quan quản lý từ Trung ương đến cơ sở, góp phần bảo tồn phát triển bền vững tài nguyên đa dạng sinh học quốc gia.

Yêu cầu công cụ quản lý dữ liệu SMART được xây dựng với hướng tiếp cận đơn giản, dễ sử dụng và đầy đủ các trường thông tin cơ bản để phục vụ tốt nhất cho hoạt động quản lý của các khu rừng. Mô hình dữ liệu sử dụng đơn giản, phù hợp với Kiểm lâm viên địa bàn, cán bộ bảo vệ rừng và các nhóm tuần tra bảo vệ rừng cộng đồng ghi nhận thông tin hiện trường trong quá trình tuần tra thực địa. Các phiên bản SMART được triển khai trong hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ phải thống nhất sử dụng phiên bản tiếng Việt; đối với các Dự án, Tổ

chức quốc tế và trong nước có hỗ trợ các khu rừng đặc dụng, phòng hộ triển khai phiên bản SMART tiếng Anh cần cập nhật phiên bản SMART tiếng Việt để thống nhất triển khai tại Việt Nam.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy trình này áp dụng cho các hoạt động tuần tra bảo vệ rừng, giám sát đa dạng sinh học sử dụng công cụ quản lý dữ liệu và báo cáo tuần tra (SMART) tại các khu rừng đặc dụng, phòng hộ.

Các hoạt động tuần tra, giám sát khác trong hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ tuân thủ theo các quy định của pháp luật về Lâm nghiệp.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Ban quản lý các khu rừng đặc dụng, phòng hộ, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có các hoạt động liên quan đến hỗ trợ các khu rừng đặc dụng, phòng hộ triển khai công cụ quản lý dữ liệu và báo cáo tuần tra (SMART).

Khuyến khích các Khu bảo tồn biển, Khu bảo tồn vùng nước nội địa thực hiện triển khai Quy trình này.

Chương II

NỘI DUNG SỬ DỤNG BỘ CÔNG CỤ QUẢN LÝ DỮ LIỆU VÀ BÁO CÁO TUẦN TRA (SMART) TẠI CÁC KHU RỪNG ĐẶC DỤNG, PHÒNG HỘ

Điều 4. Sử dụng, quản lý các trang thiết bị

1. Sử dụng các trang thiết bị

Các trang thiết bị cần thiết để triển khai SMART bao gồm: máy tính; thiết bị di động như: điện thoại thông minh, máy tính bảng; thiết bị định vị GPS; máy ảnh kỹ thuật số và ống nhòm.

a) Máy tính: Được cài đặt phần mềm SMART nhằm sử dụng để nhập, xử lý, xuất báo cáo và phải có kết nối mạng; được hỗ trợ chạy cả hệ điều hành Windows và Mac OS.

b) Thiết bị di động (điện thoại, máy tính bảng): Cài đặt SMART Mobile, sử dụng cho mục đích thu thập dữ liệu trên hiện trường (bao gồm: thu thập các trường thông tin đã được cài đặt, định vị, chụp ảnh).

c) Thiết bị định vị GPS: Sử dụng chế độ track logger ghi lại tuyến đường tuần tra (có thể kết nối các điểm); ghi lại hành trình tuần tra và các điểm trên tuyến tuần tra có diễn biến bất thường, hoặc vi phạm pháp luật, con người xâm nhập bất hợp pháp, các loài cần giám sát,...

d) Máy ảnh kỹ thuật số: Để ghi lại các hình ảnh phát hiện trong quá trình tuần tra, các thành viên tham gia tuần tra, các cá thể động thực vật hoang dã, hoạt động vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, cháy rừng, hiện trạng rừng,...

đ) Ống nhòm: Để quan sát các loài động, thực vật hoặc các vi phạm từ xa.

2. Quản lý trang thiết bị

a) Các Trạm Kiểm lâm/Đội bảo vệ rừng (trạm/đội) được trang bị và có trách nhiệm quản lý các máy GPS/thiết bị di động phục vụ cho công tác tuần tra. Việc bàn giao tài sản, thiết bị phải được lập thành biên bản, có đầy đủ chữ ký giữa bên giao và bên nhận.

b) Cán bộ kỹ thuật được trang bị máy tính để nhập, lưu trữ và xử lý số liệu trên phần mềm SMART. Các cá nhân/bộ phận, đơn vị trực thuộc có nghĩa vụ quản lý, bảo quản tài sản được giao theo quy định và sử dụng hiệu quả, đúng mục đích.

Điều 5. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phần mềm SMART

Bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật ứng dụng và triển khai phần mềm SMART đã được Việt hóa, bao gồm các tài liệu hướng dẫn sau:

1. Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật phần mềm SMART: Nhằm hướng dẫn chi tiết toàn bộ các chức năng của phần mềm SMART. Đối tượng sử dụng tài liệu là các cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm ứng dụng và triển khai phần mềm.

2. Sổ tay SMART Mobile thu thập dữ liệu hiện trường: Nhằm hướng dẫn việc cài đặt, sử dụng thiết bị di động thu thập dữ liệu trên hiện trường. Đối tượng sử dụng là các cán bộ thực hiện công tác thu thập dữ liệu.

3. Sổ tay SMART cơ bản: Nhằm cung cấp các hướng dẫn sử dụng phần mềm SMART để quản lý dữ liệu hiện trường. Đối tượng sử dụng sổ tay là những cán bộ quản trị và quản lý dữ liệu.

Điều 6. Hướng dẫn kỹ thuật Mô hình dữ liệu

1. Bộ mô hình dữ liệu dùng chung, bao gồm: các mục, thuộc tính đã được số hóa để thu thập thông tin và xác định rõ ràng vị trí trên hiện trường trong quá trình tuần tra, thực thi pháp luật và giám sát đa dạng sinh học, với các trường thông tin cụ thể như sau:

a) Nhóm trường thông tin về những tác động đến tài nguyên rừng hoặc tài nguyên biển gắn với hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, gồm: nguyên nhân tác động của con người (trực tiếp hoặc gián tiếp) đến các hành vi vi phạm pháp luật về Lâm nghiệp/Thủy sản; tác động và ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên và sự có môi trường.

b) Nhóm trường thông tin về những biến động (tăng, giảm, phát hiện mới) động, thực vật rừng và các nhóm loài khác (thủy sinh, côn trùng, nấm,...).

2. Tài liệu hướng dẫn sử dụng mô hình dữ liệu được chuẩn hóa và cập nhật trên trang web của Tổng cục Lâm nghiệp.

Điều 7. Mẫu báo cáo SMART

Mẫu báo cáo SMART dùng chung cho các khu rừng đặc dụng, phòng hộ bao gồm các kết quả được tổng hợp từ phần mềm SMART theo mục đích và yêu cầu báo cáo của các nhà quản lý từ cấp trạm/đội cho tới cấp Trung ương. Các mẫu báo cáo đã được thiết kế với 03 cấp như sau:

1. Cấp 1: Mẫu báo cáo kết quả thực hiện SMART cấp trạm/đội.
2. Cấp 2: Mẫu báo cáo kết quả thực hiện SMART cấp Ban quản lý khu rừng đặc dụng, phòng hộ.
3. Cấp 3: Mẫu báo cáo kết quả thực hiện SMART về cơ quan quản lý cấp trên và Tổng cục Lâm nghiệp.

Điều 8. Quy trình triển khai và báo cáo SMART

1. Quy trình triển khai sử dụng SMART

Quy trình triển khai SMART bao gồm 05 (năm) bước, bắt đầu từ việc thu thập dữ liệu hiện trường thông qua công tác tuần tra cho đến quá trình ra quyết định và lập kế hoạch thực hiện. Cụ thể:

a) Tuần tra: Các tổ/đội tuần tra thu thập và ghi lại dữ liệu về toàn bộ các hoạt động trên hiện trường; các hoạt động thực thi pháp luật, các quan sát về động vật hoang dã và các đặc điểm sinh cảnh.

b) Cập nhật dữ liệu đầu vào: Các tổ/đội tuần tra báo cáo hoạt động tuần tra qua buổi họp ngắn, kiểm tra chất lượng hoặc xử lý các lỗi của dữ liệu và các tuyến tuần tra (nếu có), sau đó lưu vào cơ sở dữ liệu tuần tra SMART.

c) Phân tích và báo cáo: Dữ liệu được xử lý thành các bảng, biểu đồ và bản đồ trực quan thể hiện phạm vi và kết quả tuần tra, tạo cơ sở cho việc phân tích và đánh giá hiệu quả của quá trình tuần tra.

d) Đánh giá và phản hồi: Các cuộc họp giao ban sử dụng kết quả tuần tra để thảo luận đánh giá kết quả thực hiện.

đ) Xây dựng kế hoạch/chương trình: Cán bộ quản lý, kiểm lâm/lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng và các bên liên quan khác xây dựng kế hoạch hoặc chương trình tuần tra phù hợp dựa trên phân tích các kết quả trước đó và đặt ra các mục tiêu cho đợt tuần tra tiếp theo.

2. Quy trình triển khai xây dựng báo cáo SMART

Bước 1. Thu thập dữ liệu tuần tra

Thu thập dữ liệu thông qua các đợt tuần tra và giám sát trên hiện trường, bao gồm: toàn bộ các hành vi vi phạm, hoạt động của động vật, thực vật rừng trong quá trình tuần tra và giám sát được ghi vào phiếu tuần tra, giám sát hoặc SMART Mobile theo các thuộc tính đã được xây dựng của mô hình dữ liệu.

Bước 2. Tổng hợp số liệu và xây dựng báo cáo

Ban quản lý rừng thực hiện tổng hợp số liệu và xây dựng báo cáo SMART định kỳ theo yêu cầu. Thông tin số liệu được tổng hợp tương ứng với từng loại báo cáo: Báo cáo cấp trạm/đội, báo cáo cấp Ban quản lý và báo cáo cơ quan quản lý cấp trên và Tổng cục Lâm nghiệp.

Bước 3: Xem xét, xác nhận báo cáo

Lãnh đạo trạm/đội xem xét, phân tích, đánh giá số liệu, hiệu chỉnh (nếu có) và xác nhận báo cáo. Các thông tin đã được cập nhật đầy đủ theo yêu cầu của từng loại báo cáo.

Bước 4: Phê duyệt báo cáo tại Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ

Báo cáo sau khi được xem xét, xác nhận, lãnh đạo Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ kiểm tra, phê duyệt.

Báo cáo được sử dụng để phục vụ công tác báo cáo theo từng tháng, quý hoặc năm. Người dùng có thể xuất báo cáo theo từng cấp quản lý.

Bước 5: Khai thác thông tin báo cáo

Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ chiết xuất báo cáo SMART gửi tới cơ quan quản lý cấp trên và Tổng cục Lâm nghiệp theo hình thức trực tuyến, hoặc bằng văn bản để tổng hợp theo dõi.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Lâm nghiệp

Tổng cục Lâm nghiệp là đơn vị đầu mối thông qua Vụ Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ và Văn phòng Tổng cục triển khai đơn đốc, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện và hỗ trợ kỹ thuật về triển khai bộ công cụ SMART trên phạm vi cả nước, trong đó thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Cung cấp cho các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ và các tổ chức khác có nhu cầu sử dụng bộ công cụ SMART và được đăng tải trên website của Tổng cục Lâm nghiệp theo địa chỉ: <https://tongcuclamnghiep.gov.vn>.

- Liên hệ và trao đổi với các nhà phát triển phần mềm SMART nhằm cập nhật, nâng cấp bộ công cụ và giải quyết các khó khăn khi triển khai thực tế.

- Yêu cầu và tiếp nhận báo cáo của các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai bộ công cụ SMART; đánh giá kết quả tuần tra, giám sát đa dạng sinh học tại các khu rừng đặc dụng, phòng hộ.

- Quản trị nội dung phần mềm; vận hành máy chủ, chiết xuất báo cáo định kỳ, triển khai ứng dụng SMART connect,...; chủ trì việc chỉnh sửa mô hình dữ liệu, ngôn ngữ sử dụng trong SMART và có trách nhiệm hướng dẫn, xử lý các vấn đề về kỹ thuật cho các đơn vị triển khai thực hiện SMART trên phạm vi cả nước; sắp xếp cơ sở dữ liệu công cụ SMART theo mô hình đã được chuẩn hóa trên Website của Tổng cục Lâm nghiệp; đảm bảo môi trường mạng, hệ thống máy chủ ổn định; sao lưu, khôi phục dữ liệu theo định kỳ.

- Huy động nguồn hỗ trợ từ các chương trình, dự án, các tổ chức, cá nhân và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác đảm bảo duy trì, phát triển mô hình dữ liệu dùng chung.

- Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện mô hình dữ liệu dùng chung và xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển, nhân rộng công cụ SMART.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh

- Đầu mối chỉ đạo, triển khai đôn đốc, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện và hỗ trợ kỹ thuật về triển khai bộ công cụ SMART trên địa bàn tỉnh.

- Yêu cầu và tiếp nhận báo cáo của các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai bộ công cụ SMART; đánh giá kết quả tuần tra, giám sát đa dạng sinh học tại các khu rừng đặc dụng, phòng hộ của địa phương.

- Huy động nguồn hỗ trợ từ các chương trình, dự án, các tổ chức, cá nhân và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác để hỗ trợ các Ban quản lý triển khai thực hiện.

- Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện mô hình dữ liệu ở địa phương và xây dựng kế hoạch sử dụng bộ công cụ SMART trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ

- Trực tiếp triển khai ứng dụng bộ công cụ SMART trên diện tích rừng được giao quản lý; xây dựng kế hoạch, quy chế và tổ chức triển khai ứng dụng bộ công cụ SMART theo tài liệu hướng dẫn này.

- Tổ chức đánh giá, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Lâm nghiệp định kỳ 6 tháng/lần và hàng năm để theo dõi, tổng hợp và chỉ đạo.

- Báo cáo kết quả cho cơ quan quản lý cấp trên và Tổng cục Lâm nghiệp theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các địa phương, các tổ chức, cá nhân báo cáo, phản ánh kịp thời về Vụ Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ Tổng cục Lâm nghiệp để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP